TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23**/2025/DS-ST
Ngày 27 – 02 – 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hồng.

2. Ông Bùi Văn Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 27 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP H**.

Địa chỉ: B Bis N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị **Lâm Thúy A**, sinh năm 1993. Địa chỉ liên hệ: Số A - A Đường T, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2. Bà **Trần Thị Kim C**, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Trần Văn T và bà Trần Thị Kim C vay vốn tại Ngân hàng TMCP H theo Hợp đồng tín dụng số 0061/22CNST/HĐTD ngày 18-3-2022, Khế ước nhận nợ

số 0061/22CNST/HĐTD/KUNN01 ngày 22-3-2022. Số tiền vay 330.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, , mục đích vay đầu tư trang trại - đầu tư san lắp mặt bằng. Lãi suất cho vay là 10%/năm, được điều chỉnh theo từng thời kỳ. Lãi suất nợ lãi trả chậm: 10%/năm. Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán khoản vay nêu trên, ông Trần Văn T và bà Trần Thị Kim C đã ký với Ngân hàng TMCP H hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0043/22CNST/HĐBĐ ngày 18-3-2022, thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 794, tờ bản đồ số 94 tọa lạc tại Khóm E, Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 584373 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp cho ông Trần Văn T, bà Trần Thị Kim C ngày 19-7-2018.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Trần Văn T và bà Trần Thị Kim C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng TMCP H đã nhiều lần đôn đốc nhưng ông T, bà C vẫn không thanh toán nợ. Tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 05-8-2024 là 356.663.976 đồng. Trong đó: Dư nợ gốc chưa trả 319.999.983 đồng, L trong hạn 33.708.721 đồng, N lãi quá hạn chưa trả 2.955.272 đồng.

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông Trần Văn T và bà Trần Thị Kim C phải thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP H tạm tính đến ngày 05-8-2024 là: 356.663.976 đồng (trong đó nợ gốc 319.999.983 đồng; lãi trong hạn: 33.708.721 đồng, lãi quá hạn 2.955.272 đồng).

2. Buộc ông Trần Văn T và bà Trần Thị Kim C phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng; khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng TMCP H kể từ sau ngày 05/08/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Trường hợp ông Trần Văn T và bà Trần Thị Kim C không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP H, đề nghị cho Ngân hàng yêu cầu Thi hành án xử lý tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP H, toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản đảm bảo được dùng để cấn trừ nghĩa vụ trả nợ của ông Trần Văn T và bà Trần Thị Kim C đối vớ Ngân hàng TMCP H. Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ của ông Trần Văn T và bà Trần Thị Kim C tại Ngân hàng thì ông Trần Văn T và bà Trần Thị Kim C vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ.

Bị đơn ông Trần Văn T, bà Trần Thị Kim C đã được Tòa án tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng, kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tuy nhiên, các đương sự này không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có ý kiến phản đối các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định số nợ tạm tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm yêu cầu Tòa án buộc các bị đơn phải thanh toán là 381.173.867 đồng. Trong đó, nợ vay 319.999.983 đồng, lãi trong hạn 53.575.000 đồng, lãi quá hạn 7.598.884 đồng.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ và chấp hành đúng pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền là 381.173.867 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn khởi kiện các bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, yêu cầu các bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng có thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật giải quyết về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị đơn ông Trần Văn T, bà Trần Thị Kim C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. HĐXX căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung vụ án:

[4] Xét yêu cầu trả nợ gốc: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ hiện có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa, HĐXX có cơ sở xác định giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP H và các bị đơn ông Trần Văn T, bà Trần Thị Kim C đã thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng số 0061/22CNST/HĐTD ngày 18/3/2022 với số tiền vay 330.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, mục đích vay đầu tư trang trại, xây lắp mặt bằng. Việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa hai bên là tự nguyện, hình thức hợp đồng và các nội dung thỏa thuận nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia giao kết có các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng, phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Ngân hàng TMCP H tiến hành khởi kiện để thu hồi nợ là có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng đã ký kết và quy định tại Điều 282, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, Điều 100, Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng.

[5] Xét yêu cầu trả lãi: Theo nội dung hợp đồng tín dụng đã ký kết, việc thỏa thuận lãi, lãi suất đúng như nguyên đơn trình bày. Cụ thể, mức lãi suất thỏa thuận khi vay bằng 10%/năm và áp dụng lãi suất thả nổi; lãi suất nợ lãi trả chậm bằng 10%/năm; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Thỏa thuận về việc trả lãi theo hợp đồng như trên là phù hợp quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 100 của Luật các tổ

chức tín dụng và hướng dẫn tại Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên yêu cầu của nguyên đơn về phần này là có cơ sở.

[6] Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 27-02-2025), các bị đơn còn phải thanh toán tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi là 381.173.867 đồng (nợ gốc 319.999.983 đồng, lãi trong hạn 53.575.000 đồng, lãi quá hạn 7.598.884 đồng).

[7] Về nghĩa vụ trả nợ: Đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng, do vợ chồng ông Trần Văn T và bà Trần Thị Kim C cùng tự nguyện xác lập, ký kết hợp đồng với Ngân hàng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bị đơn có trách nhiệm liên đới cùng trả số tiền nợ nêu trên là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, các bị đơn đã thế chấp cho nguyên đơn tài sản: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 794, tờ bản đồ số 94 tọa lạc tại Khóm E, Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. HĐXX xét thấy, hợp đồng thế chấp được xác lập trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý. Nay các bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ, đúng theo quy định tại Điều 299, Điều 323 của Bộ luật Dân sự.

[9] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Các bị đơn ông Trần Văn T, bà Trần Thị Kim C phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Về chi phí xem xét, thẩm định tài sản thế chấp: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn ông Trần Văn T, bà Trần Thị Kim C phải chịu tổng số tiền là 990.000 đồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 282, Điều 229, Điều 323, Điều 325, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 100, Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình Điều 8, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP H.

1.1. Buộc các bị đơn ông Trần Văn T, bà Trần Thị Kim C có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP H số tiền là 381.173.867 đồng. Trong đó, nợ vay 319.999.983 đồng, lãi trong hạn 53.575.000 đồng, lãi quá hạn 7.598.884 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28-02-2025) cho đến khi ông Trần Văn T, bà Trần Thị Kim C thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP H, thì hàng tháng ông Trần Văn T, bà Trần Thị Kim C còn phải chịu tiền lãi trong hạn và các khoản lãi quá hạn trên số vốn gốc còn nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng, Phụ lục hợp đồng tín dụng đã ký kết.

1.2. Trường hợp ông Trần Văn T, bà Trần Thị Kim C không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền còn nợ, Ngân hàng TMCP H có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 794, tờ bản đồ số 94 tọa lạc tại Khóm E, Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 584373 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp cho ông Trần Văn T, bà Trần Thị Kim C ngày 19-7-2018.

Khi xử lý tài sản thế chấp, buộc các bị đơn ông Trần Văn T, bà Trần Thị Kim C có nghĩa vụ liên đới giao lại phần đất thế chấp nêu trên cho Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý theo quy định.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Các bị đơn ông Trần Văn T, bà Trần Thị Kim C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 19.058.693 đồng.

- Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP H số tiền tạm ứng án phí 8.917.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007204 ngày 10-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3. Chi phí tố tụng khác: Ông Trần Văn T và bà Trần Thị Kim C liên đới chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 990.000 đồng. Do Ngân hàng TMCP H đã nộp tạm ứng trước nên buộc ông Trần Văn T và bà Trần Thị Kim C có trách nhiệm liên đới trả lại số tiền 990.000 đồng cho Ngân hàng TMCP H.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Lâm